

Câu 1: Phân tích nội dung Sứ mệnh lịch sử (SMLS) của Giai cấp công nhân (GCCN). Liên hệ với nội dung SMLS của GCCN VN hiện nay?

- **Giai cấp công nhân** là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại. Là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích lao động chính đáng của mình.

1, Nội dung kinh tế

- Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, tiên tiến nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển lịch sử xã hội.
- GCCN là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất để sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội mới
- GCCN đại biểu cho lợi ích chung của xã hội và chỉ có GCCN là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với ý nghĩa là tư hữu. Nó phấn đấu cho lợi ích chung của toàn xã hội. Nó chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi thực hiện được lợi ích chung của xã hội.
- GCCN phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ) thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.
- GCCN phải là lực lượng đi đầu thực hiện công nghiệp hóa, cũng như hiện nay, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu mới đặt ra đòi hỏi phải gắn liền công nghiệp hóa hiện đại hóa, đẩy mạnh công nghiệp hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

2, Nội dung chính trị xã hội

- GCCN cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của ĐCS, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất GCCN, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.
- GCCN và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa xây dựng nền chính trị dân chủ- pháp quyền, quản lý kinh tế xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu chủ nghĩa CNXH.

3, Nội dung văn hóa, tư tưởng.

- Thực hiện SMLS của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hê giá trị mới lao động công bằng, dân chủ bình đẳng và tự do
- Hệ giá trị mới này là sự phủ định các giá trị tư sản mang bản chất tư sản và phục vụ cho giai cấp tư sản, những tàn dư các giá trị đã lỗi thời, lạc hậu của xã hội quá khứ. Hệ giá trị mới thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới xã hội chủ nghĩa sẽ từng bước phát triển và hoàn thiện

- GCCN thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội.

*** Liên hệ SMLS của GCCN VN**

1, kinh tế

- Giai cấp công nhân VN với số lượng đông đảo công nhân có cơ cấu ngành nghề đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế, với chất lượng ngày một nâng cao kỹ thuật và công nghệ sẽ là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy khoa học công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động chất lượng và hiệu quả.

- Giai cấp công nhân phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là vấn đề nổi bật nhất đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân VN hiện nay.

- Thực hiện thắng lợi mục tiêu CNH-HĐH làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa trong một hai thập kỷ tới, với tầm nhìn tới giữa thế kỷ XXI (2050) đó là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân mà giai cấp công nhân là nòng cốt.

- Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên lĩnh vực kinh tế gắn liền với việc phát huy vai trò của giai cấp công nhân, của công nghiệp, thực hiện khối liên minh công nông trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân ở nước theo hướng phát triển bền vững, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế nhất là hội nhập kinh tế quốc tế bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái.

2, Chính trị xã hội

Cùng với nhiệm vụ giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thì nhiệm vụ “ Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ đảng viên” và “tăng cường xây dựng chính quyền Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống “ tự diễn biến” tự chuyển hóa trong nội bộ là những nội dung chính yếu nổi bật thể hiện SMLS của GCCN về phương diện chính trị xã hội.

3, Văn hóa tư tưởng

- Xây dựng và phát triển văn hóa VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người VN hoàn thiện nhân cách đó là nội dung trực tiếp về văn hóa tư tưởng thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trước hết là trọng trách lãnh đạo của Đảng.

- Giai cấp công nhân còn tham gia vào cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng lý luận để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đó là nền tảng tư tưởng của Đảng chống lại những quan điểm sai trái, những sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Câu 2: Anh/chị hãy trình bày những điều kiện quy định SMLS của GCCN để thực hiện thắng lợi, mục tiêu của công cuộc đổi mới đất nước. Việc xây dựng GCCNVN hiện nay cần tập trung vào những giải pháp chủ yếu nào?

*** Những điều kiện quy định SMLS của GCCN:**

1)Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN:

- Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định

+ Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại.

+ Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

- Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định

+ Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

+ Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sớm đã được thực hiện bởi giai cấp công nhân, vì nó là một giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. GCCN là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử.

2) Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện SMLS

a) Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.

- Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của GCCN cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ.

- Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho GCCN thực hiện được SMLS của mình.

- Là giai cấp đại biểu tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay (trong bối cảnh thời đại công nghệ 4.0)

b) Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để GCCN thực hiện thắng lợi SMLS của mình.

- Đảng Cộng sản - đội tiên phong của GCCN ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của GCCN với tư cách là giai cấp cách mạng.

- Quy luật chung, phổ biến cho sự ra đời của ĐCS là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

- Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất GCCN mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

c) Liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do GCCN thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

* Việc xây dựng GCCNVN hiện nay cần tập trung vào những giải pháp chủ yếu:

- Một là, nâng cao nhận thức kiên định quan điểm GCCN là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là ĐCSVN.

- Hai là, xây dựng GCCN lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh GCCN với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng GCCN lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.

- Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa GCCN.
- Năm là, xây dựng GCCN lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động.

Câu 3: Anh chị hãy làm rõ tính tất yếu và những đặc điểm cơ bản của thời kì quá độ lên CNXH? Khái niệm thời kỳ quá độ lên CNXH của Mác.

Khái quát về thời kì quá độ:

Thời kì quá độ là thời kì sinh đẻ lâu dài và đau đớn để loại bỏ dần những cái cũ, xây dựng và củng cố dần những cái mới; là thời kỳ tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần để hình thành một xã hội mới cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Tính tất yếu

- CNXH và CNTB khác nhau về bản chất. Do đó, muốn có CNXH phải có một thời kỳ lịch sử nhất định để làm thay đổi và làm mới toàn bộ những tàn tích của CNTB.
- CNXH được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao nhưng muốn cho cơ sở vật chất - kỹ thuật đó phục vụ cho CNXH cần có một thời gian tổ chức, sắp xếp lại. Ở các nước chưa trải qua giai đoạn phát triển TBCN thì thời kỳ quá độ diễn ra lâu dài, khó khăn hơn để xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật ấy.
- Sự phát triển của CNTB dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các QHSX xã hội XHCN, vì thế cần phải có thời gian nhất định để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.
- Công cuộc xây dựng CNXH là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, phải có thời gian để GCCN từng bước làm quen với những công việc đó..

Những đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH:

- Là thời kỳ tồn tại đan xen những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố của xã hội mới của CNXH trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.
- + Trên lĩnh vực kinh tế: Tất yếu tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất. Tất yếu tồn tại nhiều hình thức sở hữu và phân phối.
- + Trên lĩnh vực chính trị: Kết cấu xã hội thời kỳ này hết sức đa dạng, phong phú và phức tạp; trong xã hội còn nhiều giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

- + Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá: Bên cạnh tư tưởng XHCN còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông; tồn tại các yếu tố văn hóa cũ - mới đan xen, đấu tranh với nhau. Đấu tranh gạt bỏ yếu tố cũ, lạc hậu không thể thực hiện một cách nhanh chóng mà phải dần dần, từng bước khắc phục và đi tới xóa bỏ những tàn tích của xã hội cũ để lại.
- + Trên lĩnh vực xã hội: Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần qui định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

Câu 4: Phân tích những đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa. Liên hệ với những đặc trưng của XHCN mà Đảng, nhà nước và nhân dân VN đang xây dựng.

*** Những đặc trưng cơ bản của XHCN:**

- Một là, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

+ Trong tác phẩm Tuyên ngôn của ĐCS, khi dự báo về xã hội tương lai, XHCSCN, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: " Thay cho xã hội tư bản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người", khi đó " con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình, thì cũng do đó làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình trở thành người tự do".

+ Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

- Hai là, chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ

+ Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của CNXH, xã hội vì con người và do con người, nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

+ CNXH là một chế độ chính trị dân chủ, nhà nước XHCN với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức ngày càng ngày càng hoàn thiện sẽ quản lý xã hội ngày càng hiệu quả.

- Ba là, CNXH có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Đây là đặc trưng về phương tiện kinh tế của CNXH. Mục tiêu cao nhất của CNXH là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất.

+CNXH là xã hội có nền kinh tế phát triển cao, với lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động.

- Bốn là, CNXH có nhà nước kiểu mới mang bản chất GCCN, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

+ các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

+ Chính quyền đó chính là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân, thực chất của sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Nhà nước vô sản, theo V.I.Lênin phải là một công cụ, một phương tiện; đồng thời, là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động, phản ánh trình độ nhân dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước, quần chúng nhân dân thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý.

- Năm là, CNXH có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

+ Tính ưu việt, sự ổn định và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa không chỉ thể hiện ở lĩnh vực kinh tế, chính trị mà còn ở lĩnh vực văn hóa - tinh thần của xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế; văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người chân, thiện mỹ.

+ quá trình xây dựng nền văn hóa XHCN phải biết kế thừa **những** giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời, cần chống tư tưởng, văn hóa phi vô sản, trái với giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của loài người, trái với phương hướng đi lên CNXH.

- Sáu là, CNXH bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

+ Vấn đề giai cấp và dân tộc, xây dựng một cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển của mỗi dân tộc và mỗi quốc gia. Theo quan điểm của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, vấn đề giai cấp và dân tộc có quan hệ biện chứng, bởi vậy, giải quyết vấn đề dân tộc, giai cấp trong chủ nghĩa xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng và phải tuân thủ nguyên tắc: "xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ".

❖ Liên hệ với những đặc trưng của CNXH mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đang xây dựng :

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với sáu đặc trưng. Đến Đại hội XI, trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với tám đặc trưng, trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của XH XHCN mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

+ Một là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Hai là: Do nhân dân làm chủ.

+ Ba là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

+ Bốn là: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Năm là: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

+ Sáu là: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

+ Bảy là: Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

+ Tám là: Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 5: Dân chủ là gì? Anh/ chị hãy làm rõ bản chất của dân chủ XHCN?

❖ Khái niệm dân chủ:

Dân chủ là một giá trị xã hội (giá trị nhân văn) phản ánh chủ thể quyền lực là nhân dân, khẳng định những quyền cơ bản của con người; là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền thành một chế độ chính trị xã hội mà ở đó những quyền cơ bản của con người (tự do, bình đẳng, tôn trọng sự thống nhất trong đa dạng...) được pháp luật thừa nhận và bảo vệ; đồng thời những quyền này được thể chế thành các nguyên tắc (quyền lực thuộc về nhân dân, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, thiểu số phục tùng đa số, quyền tự do tư tưởng, ý chí, hành động, bầu cử tự do và công bằng...) để quy định quyền lợi, trách nhiệm của nhân dân đối với nhà nước, cộng đồng và ngược lại.

❖ Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

- Bản chất chính trị:

+ Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một Đảng của giai cấp công nhân là trên lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân thể hiện các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân

+ Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là những người làm chủ những quan hệ chính trị trong xã hội. Họ có quyền giới thiệu các đại biểu tham gia vào bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, xây dựng bộ máy và cán bộ, nhân viên nhà nước. Quyền được tham gia rộng rãi vào công việc quản lý nhà nước của nhân dân chính là nội dung dân chủ trên lĩnh vực chính trị.

- Bản chất kinh tế:

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội và những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

+ Đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu; quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối, phải coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất có sức thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển.

+ Thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu.

- Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội:

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới.

+ Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc... trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hoá tinh thần; được nâng cao trình độ văn hoá, có điều kiện để phát triển cá nhân. Dưới góc độ này dân chủ là một thành tựu văn hoá, một quá trình sáng tạo văn hoá, thể hiện khát vọng tự do được sáng tạo và phát triển của con người.

+ Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hòa về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

+ Với tất cả những đặc trưng đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Câu 6: Anh/ chị hãy phân tích những nội dung cơ bản cần thực hiện nhằm phát huy dân chủ XHCN và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Việt Nam hiện nay.

1. Khái quát DCXHCN và nhà nước pháp quyền

. - Dân chủ xã hội chủ nghĩa: là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

- Nhà nước pháp quyền: được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

*** Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay:**

- **Một là**, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ XHCN.

+ Trước hết cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. Xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu... quy định rõ, quyền trách nhiệm của các chủ sở hữu đối với xã hội. Cùng với đó là có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của thể chế, xây dựng và hoàn thiện thể chế phải được tiến hành đồng bộ cả ba khâu: Ban hành văn bản, quy định của thể chế; xây dựng cơ chế vận hành, thực thi thể chế trong hoạt động kinh doanh cụ thể; hoàn thiện tổ chức bộ máy theo dõi, giám sát việc thi hành thể chế, xử lý vi phạm và tranh chấp trong thực thi thể chế.

- **Hai là**, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

- **Ba là**, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực thi quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện bằng Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước phải đảm bảo quyền con người là giá trị cao nhất.

- **Bốn là**, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

+ Các tổ chức chính - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vị trí, vai trò của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tạo ra khối đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội. Đồng thời tham gia vào bảo vệ chính quyền, xây dựng Đảng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

- **Năm là**, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội là yếu tố đảm bảo xây dựng nên dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nó ảnh hưởng tới đời sống tâm lý của nhân dân khi nhìn nhận đánh giá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do đó, cần công khai hóa, minh bạch hóa, dân chủ hóa về thông tin, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến lợi ích chính đáng của nhân dân. Cần cụ thể hóa hơn nữa các quy chế và hình thức thể hiện sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân đối với các vấn đề phát triển của đất nước.

*** Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.**

- **Một là**, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với nhân dân. Tổ chức quyền lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- **Hai là**, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

+ Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội để đảm bảo đây là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân.

+ Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm mạnh và bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hóa các ngành dịch vụ công phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- **Ba là**, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý đất nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời cũng phải xây dựng được cơ chế loại bỏ, miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ.

- **Bốn là**, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

+ Phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Với quan điểm đó, Đảng và Nhà nước ta chủ trương: Tiếp tục hoàn thiện các thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ, phòng chống tham nhũng, lãng phí, xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến

khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng; xây dựng các chế tài để xử lý các cá nhân và tổ chức vi phạm; động viên và khuyến khích toàn Đảng, toàn dân thực hành tiết kiệm.

Câu 7: Hãy phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác Lênin và quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc của ĐCSVN?

1. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin

Một là: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

+ Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không có sự phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp; các dân tộc có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc: trong quan hệ quốc tế và trong phạm vi một quốc gia có nhiều dân tộc

+ Thù tiêu tình trạng áp bức giai cấp, xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

+ Là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

Hai là: các dân tộc được quyền tự quyết

- Là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

- Quyền tự quyết dân tộc bao gồm: quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

- Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài "dân tộc tự quyết" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

- Là quyền cơ bản của các dân tộc, là cơ sở để xóa bỏ sự hiềm khích, hằn thù giữa các dân tộc

Ba là: liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

- Phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

- Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

- Là nội dung chủ yếu và là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

2. Quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc của ĐCSVN

Đại hội XII khẳng định "Đoàn kết các dân tộc cổ vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đồng bào dân tộc thiểu số... Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc, nghiêm trị những âm mưu hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc"

Tựu trung lại, quan điểm cơ bản của Đảng ta về vấn đề dân tộc thể hiện ở các nội dung sau:

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

-Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng , đoàn kết , tương trợ , giúp nhau cùng phát triển , cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước , xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc .

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế,văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi ; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội , thực hiện tốt chính sách dân tộc ; quan tâm phát triển , bồi dưỡng nguồn nhân lực ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ; giữ gìn và phát huy những giá trị , bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi , trước hết , tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng , xóa đói , giảm nghèo ; khai thác có hiệu quả tiềm năng , thế mạnh của từng vùng , đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái ; phát huy nội lực , tinh thần tự lực , tự cường của đồng bào các dân tộc , đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

Câu 8: Anh/ chị hãy phân tích những nội dung cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mac lenin và chính sách dân tộc của nhà nước hiện nay.

❖ Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Một là: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

+ Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không có sự phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp; các dân tộc có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc: trong quan hệ quốc tế và trong phạm vi một quốc gia có nhiều dân tộc

+ Thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

+ Là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

Hai là: các dân tộc được quyền tự quyết

- Là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình , quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

- Quyền tự quyết dân tộc bao gồm: quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập , đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

- Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu , thủ đoạn của các thế lực phản động , thù địch lợi dụng chiêu bài " dân tộc tự quyết" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

- Là quyền cơ bản của các dân tộc, là cơ sở để xóa bỏ sự hiềm khích, hằn thù giữa các dân tộc

Ba là: liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

- Phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp ; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính .

- Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội .

- Là nội dung chủ yếu và là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

❖ **Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam**

-Về chính trị: thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân.

-Về kinh tế: nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc.

-Về văn hóa: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Đồng thời, mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, các khu vực và trên thế giới. Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, chống diễn biến hòa bình trên mặt trận tư tưởng - văn hóa ở nước ta hiện nay.

-Về xã hội: thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an ninh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- An ninh quốc phòng : tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn. Tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

Câu 9: Gia đình là gì? Phân tích vị trí và chức năng cơ bản của gia đình?

❖ **khái niệm gia đình**

-Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình .

❖ **Vị trí của gia đình trong xã hội**

Gia đình là tế bào xã hội:

- Gia đình là tế bào của xã hội. Gia đình là một đơn vị nhỏ cấu thành xã hội, là nơi sinh ra con người và thể hiện chính bản thân cuộc sống con người, là nơi duy trì và bảo tồn nhiều yếu tố truyền thống trong quan hệ gia đình, cả những yếu tố tiến bộ, tích cực lẫn những yếu tố lạc hậu, tiêu cực.

Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc , sự hài hòa trong đời sống cả nhân của mỗi thành viên

-Từ khi còn nằm trong bụng mẹ , đến lúc lọt lòng vì suốt cả cuộc đời , mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình . Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương , nuôi dưỡng , chăm sóc , trưởng thành , phát triển . Sự yên ổn , hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề , điều kiện quan trọng cho sự hình thành , phát triển nhân cách , thể lực , trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội . Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình , cá nhân mới cảm thấy bình yên , hạnh phúc , có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt .

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

- Quan hệ gia đình chịu sự chi phối, tác động của quan hệ xã hội và trên cơ sở thừa kế các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc, các vùng và địa phương với nhau.
- Vai trò cầu nối của gia đình được thể hiện ở chỗ thông qua gia đình mà xã hội tác động đến từng cá nhân và cá nhân tác động đến xã hội.

Chức năng cơ bản của gia đình

Chức năng tái sản xuất ra con người

- Đây là chức năng đặc thù của gia đình , không một cộng đồng nào có thể thay thế . Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý tự nhiên của con người , đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình , dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội .

Chức năng nuôi dưỡng giáo dục

- Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người , gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng , dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình , cộng đồng và xã hội . Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng , trách nhiệm của cha mẹ với con cái , đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội . Thực hiện chức năng này , gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách , đạo đức , lối sống của mỗi người .

Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

- Cũng như các đơn vị kinh tế khác , gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng . Tuy nhiên , đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được , là ở chỗ , gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội .
- Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động , mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội . Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như các sinh hoạt trong gia đình .

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý , duy trì tình cảm gia đình

- Đây là chức năng thường xuyên của gia đình , bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm , văn hóa , tinh thần cho các thành viên , đảm bảo sự cân bằng tâm lý , bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm , người già , trẻ em , Sự quan tâm , chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm , đạo lý , lương tâm của mỗi người

Chức năng văn hóa

- Với chức năng văn hóa , gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người . Những phong tục , tập quán , sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình . Gia đình không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa của xã hội.

Chức năng chính trị

- Với chức năng chính trị , gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội , là nơi tổ chức thực hiện chính sách , pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật , chính sách và quy chế đó , Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân . 2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Câu 10: Khái niệm gia đình ? Phân tích sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Khái niệm gia đình :

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

❖ Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- *Biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình*

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

-*Biến đổi các chức năng của gia đình*

+Chức năng tái sản xuất ra con người

- Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn chịu sự điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội.

- Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

- *Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng*

+Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt: Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hòa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. Thứ hai, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

+ Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

-*Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa)*

+Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình. Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

+Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức,

ứng xử trong gia đình , dòng họ , làng xã , mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại , trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới

+ Tuy nhiên , sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội , cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay , vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm , Nhưng sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường , làm cho sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức , nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây.

- *Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm*

+Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức.

-*Sự biến đổi quan hệ gia đình*

+*Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng*

•Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa... khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn, Đồng thời, xuất hiện nhiều bị kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục..

•Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người chủ gia đình được quan niệm là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội, được các thành viên trong gia đình coi trọng. Ngoài ra, mô hình người chủ gia đình phải là người kiếm ra nhiều tiền cho thấy một đòi hỏi mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

+ Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình

• Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình truyền thống thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lý, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm.

Câu 11: Anh chị hãy làm rõ nguồn gốc của tôn giáo và nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên CNXH?

❖ *Khái niệm tôn giáo*

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó , các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên , thần bí . Ph.Ăngghen cho rằng : “ ... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu thế gian” .

❖ **Nguồn gốc tôn giáo**

● **Nguồn gốc kinh tế xã hội**

- Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực. không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những quyền lực, thần bí

● **Nguồn gốc nhận thức**

- Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo.

● **Nguồn gốc tâm lý**

- Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật, ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn (ví dụ: ma chay, cưới xin, làm nhà, khởi đầu sự nghiệp kinh doanh...), con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hùng dân tộc, thờ các thành hoàng làng, ...)

Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới

- Phân biệt hai mặt của chính trị và tư tưởng tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo

- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo

Câu 12: Anh/chị hãy làm rõ những nội dung cơ bản trong chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

❖ **Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam:**

- *Thứ nhất:* Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo.

- *Thứ hai:* Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo

- *Thứ ba:* Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc

- *Thứ tư:* Hàng ngũ chức sắc của tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.

- *Thứ năm:* Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.

- *Thứ sáu:* Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng.

❖ **Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay:**

- Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta

+ Đảng ta khẳng định, tín ngưỡng, tôn giáo sẽ tồn tại lâu dài cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự khẳng định đó mang tính khoa học và cách mạng, hoàn toàn khác với cách nhìn nhận chủ quan, tả khuynh khi cho rằng có thể bằng các biện pháp hành chính, hay khi

trình độ dân trí cao, đời sống vật chất được bảo đảm là có thể làm cho tín ngưỡng, tôn giáo mất đi; hoặc duy tâm, hữu khuynh khi nhìn nhận tín ngưỡng, tôn giáo là hiện tượng bất biến, độc lập, thoát ly với mọi cơ sở kinh tế - xã hội, thể chế chính trị.

-Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

+ Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức...

❖ Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

+Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

+Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn, liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Công tác tôn giáo không chỉ liên quan đến quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo, mà còn gắn liền với công tác đấu tranh với âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị.

- Vấn đề theo đạo và truyền đạo:

+Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo.